DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC LỰA CHỌN, THAM GIA BỒI DƯỠNG KIÊN THỨC CẦN THIẾT VÀ BỔ TÚC TIẾNG HÀN KHÓA 25-ĐN

(Kèm theo Công văn số 1113/TTLĐNN-TCLĐ ngày 28/11/2018)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Kỳ thi	Tỉnh/Tp
1	Lê Văn Đông	11/27/1996	Nam	10012897	06/2018	Bắc Giang
2	Phạm Văn Hưng	10/9/1996	Nam	10012934	06/2018	Bắc Giang
3	Lý Văn Nghĩa	10/2/1991	Nam	10012967	06/2018	Bắc Giang
4	Nguyễn Văn Phương	10/27/1997	Nam	10013046	06/2018	Bắc Giang
5	Ngụy Đình Chiến	6/14/1998	Nam	10013168	06/2018	Bắc Giang
6	Nguyễn Văn Thu	12/1/1988	Nam	10013186	06/2018	Bắc Giang
7	Giáp Hoàng Hải	7/21/1989	Nam	10013188	06/2018	Bắc Giang
8	Nguyễn Văn Luật	2/14/1993	Nam	10013203	06/2018	Bắc Giang
9	Vũ Ngọc Hùng	3/28/1989	Nam	10013215	06/2018	Bắc Giang
10	Nguyễn Hoàng Anh	4/1/1992	Nam	10013251	06/2018	Bắc Giang
11	Mã Thị Hương	11/5/1994	Nữ	50800938	08/2017	Bắc Giang
12	Cà Thị Tâm	4/20/1984	Nữ	50800401	08/2017	Bắc Kạn
13	Chu Chí Thắng	2/27/1990	Nam	10014959	06/2018	Bắc Ninh
14	Lê Công Tuấn	6/8/1994	Nam	10036759	06/2018	Bến Tre
15	Trịnh Thị Ngọc Hân	3/2/1992	Nữ	10052300	06/2017	Bến Tre
16	Nguyễn Văn Thành	1/1/1990	Nam	10005053	06/2018	Hà Nam
17	Nguyễn Song Phi	7/1/1990	Nam	10000565	06/2018	Hà Nội
18	Nguyễn Doãn Linh	8/10/1991	Nam	10000577	06/2018	Hà Nội
19	Lê Thị Phương Mỹ	3/26/1991	Nữ	10028652	10/2016	Hà Tĩnh
20	Nguyễn Văn Sang	6/25/1984	Nam	10003024	06/2018	Hải Dương
21	Bùi Văn Hạ	11/22/1986	Nam	10003069	06/2018	Hải Dương
22	Bùi Hữu Hải	7/1/1986	Nam	10003112	06/2018	Hải Dương
23	Nguyễn Văn Bình	4/29/1987	Nam	10003145	06/2018	Hải Dương
24	Đinh Công Mạnh	1/12/1990	Nam	10003149	06/2018	Hải Dương
25	Phạm Tất Thành	2/17/1995	Nam	10003197	06/2018	Hải Dương
26	Hà Văn Lam	10/10/1995	Nam	10003245	06/2018	Hải Dương
27	Lại Quang Văn	10/10/1986	Nam	10002144	06/2018	Hải Phòng
28	Trần Thị Thủy	8/29/1995	Nữ	10040559	10/2016	Hải Phòng
29	Nguyễn Như Phúc	2/20/1992	Nam	10004302	06/2018	Hưng Yên
30	Nguyễn Văn Hợp	8/3/1990	Nam	10004318	06/2018	Hưng Yên
31	Đặng Minh Tân	9/6/1990	Nam	10004381	06/2018	Hưng Yên
32	Đặng Văn Thưởng	2/26/1994	Nam	10004491	06/2018	Hưng Yên
33	Hoàng Tuấn Anh	2/28/1993	Nam	10004492	06/2018	Hưng Yên
34	Trịnh Văn Trinh	1/10/1983	Nam	10016602	06/2018	Lai Châu
35	Nguyễn Văn Minh	3/1/1991	Nam	10005859	06/2018	Nam Định
36	Trần Tiến Hải	6/12/1997	Nam	10005873	06/2018	Nam Định
37	Nguyễn Văn Tú	2/11/1991	Nam	10021309	06/2018	Nghệ An

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Kỳ thi	Tỉnh/Tp
38	Phạm Văn Quý	6/13/1990	Nam	10021455	06/2018	Nghệ An
39	Cao Văn Tuyên	4/15/1985	Nam	10021968	06/2018	Nghệ An
40	Nguyễn Huy Pháp	8/11/1994	Nam	10022100	06/2018	Nghệ An
41	Lương Thị Kim Yến	6/9/1993	Nữ	50802010	08/2017	Nghệ An
42	Trần Văn Tài	1/4/1990	Nam	10007585	06/2018	Ninh Bình
43	Lê Thanh Bình	3/1/1987	Nam	10007598	06/2018	Ninh Bình
44	Phạm Ngọc Lợi	11/22/1997	Nam	10025542	06/2018	Quảng Bình
45	Đoàn Tấn Phương	12/2/1994	Nam	10025836	06/2018	Quảng Bình
46	Nguyễn Ngọc Trung	2/5/1991	Nam	20005278	11/2016	Quảng Bình
47	Nguyễn Viết Thắng	2/25/1985	Nam	10028735	06/2018	Quảng Nam
48	Trần Ngọc Nguyên	5/26/1983	Nam	10028799	06/2018	Quảng Nam
49	Trần Công Minh	3/16/1994	Nam	10027218	06/2018	Quảng Trị
50	Nguyễn Duy Khánh	6/6/1990	Nam	50802890	08/2017	Quảng Trị
51	Phạm Văn Tú	6/8/1985	Nam	10006945	06/2018	Thái Bình
52	Nguyễn Thị Hoài	10/8/1990	Nữ	10007013	06/2018	Thái Bình
53	Lê Đình Dũng	8/7/1998	Nam	10017564	06/2018	Thanh Hóa
54	Nguyễn Thái Sơn	6/27/1990	Nam	10017573	06/2018	Thanh Hóa
55	Phạm Thế Phong	5/25/1990	Nam	10017802	06/2018	Thanh Hóa
56	Phạm Văn Đức	10/15/1993	Nam	10017880	06/2018	Thanh Hóa
57	Trần Văn Tùng	4/14/1999	Nam	10017943	06/2018	Thanh Hóa
58	Lê Văn Thực	10/1/1995	Nam	10018021	06/2018	Thanh Hóa
59	Lưu Văn Lâm	8/9/1989	Nam	10018040	06/2018	Thanh Hóa
60	Lê Đăng Long	9/11/1988	Nam	10018069	06/2018	Thanh Hóa
61	Lê Văn Nam	1/2/1988	Nam	10018090	06/2018	Thanh Hóa
62	Lê Văn Hùng	9/17/1996	Nam	10018092	06/2018	Thanh Hóa
63	Lê Thế Đông	3/15/1992	Nam	10018095	06/2018	Thanh Hóa
64	Lê Văn Chân	5/1/1983	Nam	10018104	06/2018	Thanh Hóa
65	Cao Văn Ngọc	8/18/1989	Nam	10018133	06/2018	Thanh Hóa
66	Vũ Duy Hùng	10/13/1994	Nam	10018228	06/2018	Thanh Hóa
67	Hà Văn Đức	10/25/1995	Nam	10018479	06/2018	Thanh Hóa
68	Chu Văn Chinh	2/21/1997	Nam	10018545	06/2018	Thanh Hóa
69	Phạm Ngọc Chinh	3/26/1989	Nam	10018619	06/2018	Thanh Hóa
70	Trần Văn Lệ	11/2/1990	Nam	10018645	06/2018	Thanh Hóa
71	Đào Xuân Tây	1/5/1987	Nam	10018648	06/2018	Thanh Hóa
72	Nguyễn Trọng Hưng	10/4/1991	Nam	10018729	06/2018	Thanh Hóa
73	Nguyễn Viết Quý	8/14/1992	Nam	10018767	06/2018	Thanh Hóa
74	Trần Hùng Bách	9/9/1989	Nam	10018821	06/2018	Thanh Hóa
75	Lê Văn Thắng	4/20/1985	Nam	10018861	06/2018	Thanh Hóa
76	Lê Văn Tuấn Anh	8/22/1996	Nam	10018893	06/2018	Thanh Hóa
77	Hoàng Xuân Lập	11/7/1988	Nam	10019004	06/2018	Thanh Hóa
78	Nguyễn Văn Phúc	3/10/1993	Nam	10019024	06/2018	Thanh Hóa

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Kỳ thi	Tỉnh/Tp
79	Lê Tấn Duy	12/27/1993	Nam	10019182	06/2018	Thanh Hóa
80	Nguyễn Hữu Hưng	1/6/1995	Nam	10019228	06/2018	Thanh Hóa
81	Mai Xuân Huấn	8/26/1992	Nam	10019306	06/2018	Thanh Hóa
82	Lê Đức Bình	6/4/1987	Nam	10019735	06/2018	Thanh Hóa
83	Hoàng Đình Thọ	7/15/1986	Nam	50801502	08/2017	Thanh Hóa
84	Đinh Thị Thu Hà	2/10/1994	Nữ	50801553	08/2017	Thanh Hóa
85	Trần Thị Hà	3/21/1983	Nữ	50801631	08/2017	Thanh Hóa
86	Lê Thị Hạnh	4/20/1998	Nữ	50801724	08/2017	Thanh Hóa
87	Mai Thế Lương	6/18/1994	Nam	10017670	06/2018	Thanh Hóa
88	Lê Văn Yên	4/2/1988	Nam	10017690	06/2018	Thanh Hóa
89	Trần Văn Chúng	1/10/1995	Nam	10017759	06/2018	Thanh Hóa
90	Hoàng Văn Trung	6/13/1985	Nam	10017790	06/2018	Thanh Hóa
91	Nguyễn Trọng Khánh	3/23/1988	Nam	10017807	06/2018	Thanh Hóa
92	Nguyễn Thanh Tùng	5/27/1994	Nam	10017937	06/2018	Thanh Hóa
93	Lê Vũ Thành	11/28/1998	Nam	10017948	06/2018	Thanh Hóa
94	Nguyễn Văn Khiêm	9/5/1999	Nam	10018196	06/2018	Thanh Hóa
95	Trương Văn Sơn	4/7/1991	Nam	10018285	06/2018	Thanh Hóa
96	Lữ Văn Dũng	5/10/1996	Nam	10018289	06/2018	Thanh Hóa
97	Cao Hồng Lĩnh	2/4/1997	Nam	10018341	06/2018	Thanh Hóa
98	Nguyễn Thăng Nam	4/1/1993	Nam	10018841	06/2018	Thanh Hóa
99	Nguyễn Văn Hòa	4/3/1988	Nam	10018935	06/2018	Thanh Hóa
100	Đinh Văn Chương	12/25/1988	Nam	10018999	06/2018	Thanh Hóa
101	Lữ Văn Hợp	6/4/1996	Nam	10019078	06/2018	Thanh Hóa
102	Trương Văn Anh	10/6/1993	Nam	10019155	06/2018	Thanh Hóa
103	Nguyễn Văn Phong	10/5/1985	Nam	10019249	06/2018	Thanh Hóa
104	Mai Văn Thọ	4/11/1990	Nam	10019296	06/2018	Thanh Hóa
105	Lê Duyên Chuyền	8/26/1998	Nam	10019304	06/2018	Thanh Hóa
106	Lê Văn Dưỡng	6/6/1991	Nam	10019600	06/2018	Thanh Hóa
107	Trần Thị Lương	12/25/1992	Nữ	10024822	06/2017	Thanh Hóa
108	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	5/26/1993	Nữ	10051502	06/2017	Tiền Giang
109	Trần Thị Hoài Lai	4/14/1990	Nữ	50803259	08/2017	TT Huế
110	Nguyễn Thanh Hữu	8/12/1990	Nam	10036224	06/2018	Vĩnh Long